TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ R
TỈNH L Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 39/2020/QĐST-HNGĐ

Đ R, ngày 22 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa:

**** Nguyên đơn***: Bà **Nguyễn Thị Bích H**; Sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn T T, xã Đ K, huyện Đ R, tỉnh L Đ

**** Bị đơn***: Ông **Phạm Ngọc A**; Sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn T T, xã Đ K, huyện Đ Rô, tỉnh L Đ

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam;

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị Phi; Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ R, tỉnh L Đ.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Phạm Ngọc A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm nuôi dưỡng con

chung là cháu Phạm Gia H; Sinh ngày 05/12/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Phạm Ngọc A có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Linh Gia A; Sinh ngày 07/3/2008 và cháu Phạm Ngọc Đăng K; Sinh ngày 30/01/2016 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Phạm Ngọc A, bà Nguyễn Thị Bích H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

2.3. Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ Rô 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích H phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ chung. Tổng cộng bà Hà phải nộp 900.000 (Chín trăm ngàn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Hà đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0010198 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh L Đ. Bà Nguyễn Thị Bích Hà phải nộp thêm 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L Đ;
- VKSND H. Đ R;
- CC THADS H. Đ R;
- UBND xã Đ K, H. Đ R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Rung K' Nhơn